

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/HS-ST**

Ngày: 10/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Khắc Thái

2. Ông Phan Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Thị Thúy A (tên gọi khác: T), sinh ngày 10/5/1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên bán hiểm; Số CMNDD: 191595191 Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Khắc V và bà Nguyễn Thị H; Chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2022 tại trại tạm giam Công an tỉnh T, đến ngày 23/6/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lê Thị Thanh T1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: A T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người làm chứng:

+ Chị Lê Thị Bích A1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 0 Bà T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Lê Thị Như Ý, sinh năm: 1980; Địa chỉ: H Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Chị Lê Thị Đoan T2, sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua bạn bè ngoài xã hội, chị Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1984, trú tại số A T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế biết được Lê Thị Thúy A có cho vay tiền nên đã liên lạc gặp A để hỏi vay và được A đồng ý.

Do A đang sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng nên để thuận tiện cho việc vay tiền, chị T1 soạn sẵn một số giấy mượn tiền, để trông phần số tiền mượn, ký vào phần người mượn tiền rồi gửi vào Đà Nẵng đưa cho A cất giữ. Khi có nhu cầu vay tiền, chị T1 gọi điện báo cho A biết số tiền cần vay, thời hạn vay để A ghi vào giấy mượn tiền, ký vào phần người cho mượn rồi dùng điện thoại di động chụp ảnh gửi qua ứng dụng Zalo cho chị T1, sau đó A chuyển khoản số tiền cần vay cho chị T1 nhưng đã được An trừ đi số tiền lãi mà A và chị T1 đã thỏa thuận (A thu tiền lãi trước). Việc chuyển tiền giữa A và chị T1 được thực hiện qua ứng dụng Internet Banking, số tài khoản của A là 19036365892011, mở tại ngân hàng T4; số tài khoản của chị T1 là 100005346931, mở tại ngân hàng V2. Tùy vào nhu cầu vay của chị T1 mà A cho vay số tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với chu kỳ vay từ 10 ngày đến 30 ngày. Để làm tin, chị T1 giao cho A 01 giấy đăng ký xe máy BKS 75C1-345.64 mang tên Nguyễn Hoàng V1 (chồng chị T1). Do A ở thành phố Đà Nẵng nên nhờ chị Lê Thị Bích A1, sinh ngày 18/4/1988, trú tại 8 Bà T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ giùm giấy đăng ký xe này. Trong quá trình vay, một số lần chị T1 chậm trả các khoản vay đến hạn, A đã nhắn tin cho chị T1 và nói nguồn gốc số tiền cho chị T1 vay là do A mượn của chị Ý (Lê Thị Như Ý, sinh năm 1980, trú tại H Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) và chị T2 (Lê Thị Đoan T2, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) để thúc chị T1 trả nợ.

Từ ngày 11/02/2022 đến ngày 29/5/2022, Lê Thị Thúy A đã cho chị Lê Thị Thanh T1 vay 93 lượt với tổng số tiền 4.105.000.000 đồng, mỗi lượt vay từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ 10 ngày đến 30 ngày, lãi suất vay từ 173,3% đến 547,5%/năm. Nguồn gốc số tiền cho chị T1 vay là do A có 126.000.000 đồng, A mượn của chị Lê Thị Bích A1, chị Lê Thị Đoan T2, anh Hoàng Công B và ông Lê Khắc B1 số tiền 455.350.000 đồng, số tiền còn lại phát sinh từ số tiền gốc và lãi mà chị T1 đã trả cho A. Chị T1 đã trả cho A 3.405.000.000 đồng tiền gốc, 626.100.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi theo quy định là 23.818.609 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định và đã A thu lợi bất

chính là 602.291.781đồng. Hiện nay chị T1 còn nợ 700.000.000 đồng tiền gốc (có bảng kê kèm theo).

(BL: 557-570, 580-604, 606-607, 610-614, 613-614)

Vật chứng và các đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Thu giữ của Lê Thị Thúy A gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, Imei số 356109098050585.

+ 01 máy tính xách tay hiệu HP.

+ 01 xe mô tô BKS 75C1-172.90 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 75C1-172.90 mang tên Lê Thị Thúy A.

+ 01 tập sao kê số tài khoản 19036365892011 tại ngân hàng Thương mại cổ phần K (T4), chủ tài khoản là Lê Thị Thúy A từ ngày 01/01/2021 đến 13/6/2022.

+ 121 tờ giấy vở và giấy A4 có nội dung vay mượn tiền giữa A và chị T1.

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 75C1-345.64 mang tên Nguyễn Hoàng V1.

- Thu giữ của Lê Thị Thanh T1:

+ 01 tập sao kê số tài khoản 100005346931 tại ngân hàng TMCP C (V3), chủ tài khoản là Lê Thị Thanh T1 từ ngày 11/10/2021 đến 29/5/2022.

(BL: 50-51, 377, 393, 400, 444, 444A, 623-625)

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thanh T1 yêu cầu bị can Lê Thị Thúy A trả lại cho chị khoản tiền mà A đã thu lợi bất chính.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTTH-P1 ngày 10/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Thúy A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A.....về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HS-ST ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 100.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên vấn đề khác có liên quan đến nội dung vụ án

Tại Quyết định số: 23/2023/HSPT-QĐ ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết kháng cáo quá hạn đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị cáo Lê Thị Thúy A đối với Bản án sơ thẩm số: 05/2023/HS-ST ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/2023/QĐ-VC2 ngày 07-3-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại phân trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thanh T1 kháng cáo đề nghị xem xét lại biện pháp tư pháp, vì buộc chị nộp số tiền 700.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước là không thỏa đáng.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 250/2023/HS-PT ngày 30-6-2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phân trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp.

Ngày 03-7-2023, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Văn bản kiến nghị, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phân trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt chưa nghiêm minh; mức hình phạt chưa đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HS ngày 07-7-2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phân Trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số: 18/2023/HS-GĐT ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 382; khoản 3 Điều 388 và Điều 391 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HS ngày 07-7-2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phân Trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng nghị thủ tục giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Ngày 02/10/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã thụ lý vụ án vào.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTTH-P1 ngày 10/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Thúy A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A hình phạt chính là hình phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 11/02/2022 đến ngày 29/5/2022, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, Lê Thị Thúy A đã có hành vi cho chị Lê Thị Thanh T3 vay 93 lượt với tổng số tiền 4.105.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 173,3% đến 547,5%/năm, cao gấp 8,67 đến 27,38 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 602.291.781 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Thị Thúy A đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 22/CT-VKSTTH-P1 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Thị Thúy A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Chỉ trong thời gian 03 tháng 18 ngày (từ ngày 11-02-2022 đến ngày 29-5-2022), Lê Thị Thúy A cho chị Lê Thị Thanh T1 93 lượt vay tiền, với lãi suất rất cao (từ 173,3%/năm đến 547,5%/năm), thu lợi bất chính 602.291.781 đồng là rất lớn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện coi thường pháp luật; gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích của người đi vay, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị Thúy A cho vay 93 lượt, mỗi lượt thu lợi bất chính từ 1.445.205 đồng đến 11.561.644 đồng, đều dưới 30.000.000 đồng,

nên thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *“Trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.”*

Do bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp *“Phạm tội 02 lần trở lên”*, cho nên không thỏa mãn điều kiện *“Cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên”* để áp dụng tình tiết *“Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”*. Mặt khác, bị cáo có nghề nghiệp là nhân viên bảo hiểm, có thu nhập ổn định; số tiền thu lợi bất chính đang do chị Lê Thị Thanh T1 giữ (chị T1 còn nợ bị cáo 700.000.000 đồng).

Do đó, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo là *“Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”*. Tuy nhiên xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo với mức phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới bảo đảm nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng đang có chiều hướng ngày càng gia tăng hiện nay và nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị Thúy A không phạm vào tình tiết tăng nặng nào;

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nộp số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết *“Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”*; *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sĩ, bố đẻ của bị cáo được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng 3 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa bị cáo đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt tù tối thiểu của khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự, về biện pháp tư pháp và về xử lý vật chứng của vụ án này đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HS-ST

ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và đã có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết,

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Thúy A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 06 (S) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2022 đến 23/6/2022. Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 05 (Năm) tháng 26 (Hai sáu) ngày kể từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Thúy A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

